

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 1 NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

CÔNG TY
CỔ PHẦN
GEMADEPT

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN GEMADEPT
DN: c=VN, st=HỒ CHÍ MINH,
l=Quận 1, cn=CÔNG TY CỔ
PHẦN GEMADEPT,
0.9.2342.19200300.100.1.1=M
ST:0301116791
Date: 2023.04.28 19:11:41
+07'00'



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng Cân đối Kế toán Hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2023	2 - 5
3. Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh Hợp nhất Quý 1 năm 2023	6
4. Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ Hợp nhất Quý 1 năm 2023	7-8
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 1 năm 2023	9 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.383.042.758.448	2.618.727.023.263
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.075.292.859.881	1.364.349.572.162
1. Tiền	111		643.063.859.881	733.408.572.162
2. Các khoản tương đương tiền	112		432.229.000.000	630.941.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		33.128.340.989	82.230.394.409
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	45.723.235.680	45.723.235.680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(26.889.693.115)	(27.787.639.695)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	14.294.798.424	64.294.798.424
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		908.529.208.056	867.649.206.297
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	509.692.310.578	541.809.634.569
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	104.523.803.904	137.910.734.284
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	56.623.500.000	24.623.500.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	248.848.714.918	174.477.642.655
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(11.159.121.344)	(11.172.305.211)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		79.460.022.200	82.532.452.635
1. Hàng tồn kho	141	V.8	79.460.022.200	82.532.452.635
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		286.632.327.322	221.965.397.760
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	21.865.686.313	12.708.057.001
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		250.827.498.686	186.384.655.503
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	13.939.142.323	22.872.685.256
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.883.129.912.905	10.411.925.986.309
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		44.584.600.137	44.605.881.337
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		8.100.000.000	8.100.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	36.484.600.137	36.505.881.337
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.310.580.872.391	3.262.248.898.450
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	4.012.231.721.366	2.956.017.737.527
- Nguyên giá	222		6.832.390.021.125	5.691.418.188.210
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.820.158.299.759)	(2.735.400.450.683)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	37.250.364.526	44.630.763.406
- Nguyên giá	225		235.413.682.251	235.413.682.251
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(198.163.317.725)	(190.782.918.845)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	261.098.786.499	261.600.397.517
- Nguyên giá	228		379.727.565.211	377.419.689.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(118.628.778.712)	(115.819.291.814)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.208.545.557.966	2.790.192.939.751
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	2.208.545.557.966	2.790.192.939.751
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.075.247.497.082	3.065.414.642.104
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	3.035.780.120.939	3.025.947.265.961
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	41.021.599.762	41.021.599.762
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(1.554.223.619)	(1.554.223.619)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.244.171.385.329	1.249.463.624.667
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	911.399.898.654	911.842.875.259
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	153.348.103.490	151.296.466.870
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	179.423.383.185	186.324.282.538
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		13.266.172.671.353	13.030.653.009.572

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		5.066.323.599.988	5.082.896.989.616
I. Nợ ngắn hạn		310		3.174.844.782.448	3.210.578.779.512
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.16	975.725.527.602	838.451.012.006
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.17	1.722.400.350	850.107.706
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.18	75.358.615.114	90.367.384.854
4. Phải trả người lao động		314	V.19	90.248.868.504	103.770.676.029
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.20	197.657.600.175	194.384.229.842
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318	V.21a	1.032.481.942	1.039.094.764
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.22a	1.281.865.271.891	1.271.033.316.489
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.23a	411.458.858.381	543.415.455.601
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321	V.24	103.446.619.753	103.805.971.767
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	V.25	36.328.538.736	63.461.530.454
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		1.891.478.817.540	1.872.318.210.104
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336	V.21b	284.913.064.011	290.603.346.491
7. Phải trả dài hạn khác		337	V.22b	96.707.450.080	95.551.626.200
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	V.23b	1.509.858.303.449	1.486.163.237.413
9. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

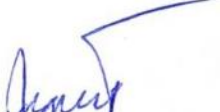
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.199.849.071.365	7.947.756.019.956
I. Vốn chủ sở hữu	410		8.199.849.071.365	7.947.756.019.956
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.26a	3.013.779.570.000	3.013.779.570.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.013.779.570.000	3.013.779.570.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26a	1.941.832.197.040	1.941.832.197.040
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.26a	128.097.775.902	128.097.775.902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.26a	316.176.963.665	324.141.784.661
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.26a	77.193.811.354	152.636.937.352
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.26a	67.634.201.606	138.177.637.831
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.26a	1.575.863.091.560	1.227.386.551.336
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		1.373.688.771.706	1.227.386.551.336
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		202.174.319.854	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.27	1.079.271.460.238	1.021.703.565.834
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		13.266.172.671.353	13.030.653.009.572


 Vũ Thị Anh Thư
 Người lập


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2023




 Nguyễn Thanh Bình
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023

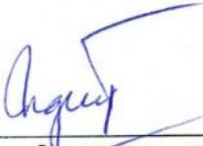
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)
Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	901.971.039.120	879.858.269.357	901.971.039.120	879.858.269.357
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		901.971.039.120	879.858.269.357	901.971.039.120	879.858.269.357
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	475.389.435.363	527.698.508.401	475.389.435.363	527.698.508.401
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		426.581.603.757	352.159.760.956	426.581.603.757	352.159.760.956
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20.840.978.218	4.215.371.728	20.840.978.218	4.215.371.728
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	39.761.476.419	32.288.226.860	39.761.476.419	32.288.226.860
Trong đó: chi phí lãi vay	23		36.499.808.414	29.819.822.467	36.499.808.414	29.819.822.467
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	21.378.814.489	125.503.351.150	21.378.814.489	125.503.351.150
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	29.665.775.197	39.387.664.038	29.665.775.197	39.387.664.038
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	96.861.274.819	70.996.098.044	96.861.274.819	70.996.098.044
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		302.512.870.029	339.206.494.892	302.512.870.029	339.206.494.892
12. Thu nhập khác	31	VI.7	7.134.519.760	11.881.367.489	7.134.519.760	11.881.367.489
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.265.112.715	844.207.634	1.265.112.715	844.207.634
14. Lợi nhuận khác	40		5.869.407.045	11.037.159.855	5.869.407.045	11.037.159.855
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		308.382.277.074	350.243.654.747	308.382.277.074	350.243.654.747
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		55.591.699.436	30.154.319.580	55.591.699.436	30.154.319.580
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2.051.636.620)	933.910.713	(2.051.636.620)	933.910.713
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		254.842.214.258	319.155.424.454	254.842.214.258	319.155.424.454
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		202.174.319.854	273.731.748.619	202.174.319.854	273.731.748.619
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		52.667.894.404	45.423.675.835	52.667.894.404	45.423.675.835
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	617	836	617	836
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	617	836	617	836


Vũ Thị Anh Thư
Người lập


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2023




Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		59.660.295.277	46.565.201.435
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	25.941.952.220	27.304.903.521
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7	35.399.178.541	(20.694.086.435)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	(741.368.634)	(671.416.510)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(16.410.880.250)	(12.670.937.611)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8.605.203.875	12.121.497.126
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		112.454.381.029	51.955.161.526
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.512.352.132)	(18.707.606.400)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(128.456.048)	159.238.914
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(15.806.018.604)	(6.177.778.681)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.200.153.014	(846.749.009)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, V.20, VI.4	(12.820.274.384)	(7.543.078.142)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14.810.810.494)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(25.421.100.223)	(1.731.011.914)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.155.522.158	17.108.176.294
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.13	(129.056.180.825)	(76.900.013.269)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.054.545.455	1.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.5	(6.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5	50.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(8.621.000.000)	(7.552.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.656.995.865	102.014.409.945
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(68.965.639.505)	18.561.896.676

Báo cáo lưu chuyên tiên tậ hợp nhât (tiếp theo)

TP. Hồ Chí Minh

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
GEMADEPT**

M.S.D.N : 0301 16791 - C.T. Q. 1
QUẬN 1 - T. PH. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thanh

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiên định với chiến lược tập trung phát triển hai lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là Khai thác Cảng và Logistics:

- Khai thác Cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, Nam Hải ICD, cảng Dung Quất, cảng Phước Long, cảng Bình Dương và cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...

Ngoài ra, Công ty đầu tư một số dự án có chọn lọc trong lĩnh vực Trồng rừng và Bất động sản:

- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong kỳ, Công ty tiếp tục góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương và Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương.

6. Cấu trúc tập đoàn

Tại thời điểm cuối kỳ, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 22 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 16 công ty liên doanh, liên kết (tại thời điểm đầu năm, Tập đoàn có 22 công ty con và 16 công ty liên doanh, liên kết). Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Lô CA1, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ ⁽ⁱ⁾	Km số 6 Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	84,66%	84,66%	84,66%	84,66%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	201 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	75,00%	75,00%	75,00%	75,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	80,40%	80,40%	80,40%	80,40%
Công ty TNHH Cảng Phước Long	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ ⁽ⁱⁱ⁾	429/4 Đường Song Hành Xa Lộ Hà Nội, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	46,00%	46,00%	54,00%	54,00%
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH ISS – Gemadept	45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	61 Đường 468, Phường Toul Tumpoung 2, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	18B Đường 500, Phường Phsar Deum Thkov, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Niêm Kiều Hãnh Thái Bình Dương	947 Thôn Por Prok Khang Tbong, Phường Kar Karb, Quận Po Sen Chey, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	147 Nguyễn Thái Bình, Phường 3, TP. Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương	TD số 1738, TBD số 9 (8BT-B), Tổ 5, Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	80,09%	80,09%	80,09%	80,09%
Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung	Tầng 9, tòa nhà Indochina Rover Tower, 74 Bạch Đằng, phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	98,04%	98,04%	100%	100%
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Bình Dương	TD số 1738, TBD số 9 (8BT-B), Tổ 5, Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	48,05%	48,05%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ cảng Gemadept	Tầng 7, Tòa nhà Thành Đạt 3, số 4 đường Lê Thánh Tôn, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	59,99%	59,99%	60,00%	60,00%
Công ty TNHH Liên doanh GMD ASL	Phòng 705, Tầng 7, Tòa nhà Thành Đạt 3, số 4 đường Lê Thánh Tôn, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	30,59%	30,59%	51,00%	51,00%

- (i) Ngày 29/12/2022, Hội đồng quản trị đã thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ theo Nghị quyết số 117/NQ-HDQT-GMD.
- (ii) Tập đoàn nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

6b. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	Lô J1, Đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	Khu công nghiệp Sóng Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	25,02%	25,02%	25,02%	25,02%
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	4 Lê Thánh Tôn, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.	63 Market Street #05 – 01A Bank of Singapore Centre, Singapore, 048942	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	No.68B, Jalan Batai Laut 4, Taman Intan, 41300 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link ⁽ⁱ⁾	Ấp Tân Lộc, Phường Phước Hòa, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	65,13%	65,13%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	36,60%	36,60%	36,60%	36,60%
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH Golden Globe	Bán Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	267 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	26,56%	26,56%	26,56%	26,56%
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Dạm	Cầu Tum, Khu phố Hải Tân, Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	973 Đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%	26,78%

- (i) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là hơn 50% nhưng theo Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 76% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua. Do đó khoản đầu tư này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất
 Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, Tập đoàn có 1.564 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.549 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 1 năm 2023 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2023.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 02%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 02% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc năm tài chính được tính toán bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí phát sinh liên quan đến dự án chưa hoàn thành.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí nhượng quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa và chi phí lãi thuê tài chính container. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất thể hiện khoản tiền thuê đất, các chi phí tư vấn và chi phí khác đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí nhượng quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời hạn thuê đất.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 06 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

Chi phí thiết kế trang Web

Chi phí thiết kế trang Web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Các chi phí phát sinh liên quan đến các lô cây trồng sinh trưởng kém sẽ được ghi giảm vào chi phí khác trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã cung cấp từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng)

để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	33.087.252.262	21.209.491.020
Tiền gửi ngân hàng	608.575.285.190	712.036.608.148
Tiền đang chuyển	1.401.322.429	162.472.994
Các khoản tương đương tiền (<i>tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng</i>)	432.229.000.000	630.941.000.000
Cộng	1.075.292.859.881	1.364.349.572.162

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Cổ phiếu						
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	31.488.264.362	18.833.240.715	(12.655.023.647)	31.488.264.362	17.935.341.285	(13.552.923.077)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	14.234.321.100	-	(14.234.321.100)	14.234.321.100	-	(14.234.321.100)
Các cổ phiếu khác	650.218	331.800	(348.368)	650.218	254.700	(395.518)
Cộng	45.723.235.680	18.833.572.515	(26.889.693.115)	45.723.235.680	17.935.595.985	(27.787.639.695)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(27.787.639.695)	(15.881.750.652)
Hoàn nhập/(trích lập) trong kỳ	897.946.580	186.507.300

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Số cuối kỳ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
	(26.889.693.115)	(15.695.243.352)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng.

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Giá gốc	Số cuối kỳ Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	1.477.350.000.000	45.163.551.873	1.522.513.551.873	1.477.350.000.000	83.884.701.363	1.561.234.701.363
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	405.366.553.895	278.809.843.898	684.176.397.793	405.366.553.895	240.277.610.634	645.644.164.529
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	131.555.876.205	201.474.068.636	333.029.944.841	131.555.876.205	193.432.229.262	324.988.105.467
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line –Gemadept	108.001.500.000	7.384.982.245	115.386.482.245	108.001.500.000	14.756.175.322	122.757.675.322
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	104.620.023.000	68.356.728.132	172.976.751.132	104.620.023.000	59.434.922.500	164.054.945.500
Công ty TNHH Golden Globe	103.823.882.496	(5.493.629.297)	98.330.253.199	103.823.882.496	(5.493.629.297)	98.330.253.199
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	62.538.064.097	12.969.465.627	75.507.529.724	62.538.064.097	12.436.986.984	74.975.051.081
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	49.825.280.000	(26.590.772.078)	23.234.507.922	49.825.280.000	(27.221.526.928)	22.603.753.072
Các công ty liên doanh, liên kết khác	28.396.608.143	(17.771.905.933)	10.624.702.210	28.396.608.143	(17.037.991.715)	11.358.616.428
Cộng	2.471.477.787.836	564.302.333.103	3.035.780.120.939	2.471.477.787.836	554.469.478.125	3.025.947.265.961

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn		
Lãi vay	-	3.883.561.644
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link		
Doanh thu dịch vụ	511.555.517	2.838.984.048
Chi phí dịch vụ	170.428.667	850.368.844
Chi phí bồi thường	13.176.000	-
Lãi cho vay	-	88.767.123
Chi hộ	16.856.082	9.618.851
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu		
Cổ tức được chia	964.200.000	1.253.460.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm		
Lãi cho vay	51.751.233	45.282.329
Chi hộ	23.000.000	-
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	5.997.710.199	354.080.000
Doanh thu cho thuê văn phòng	97.980.000	88.205.600
Lợi nhuận được chia	10.000.000.000	10.000.003.500
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng		
Doanh thu dịch vụ	5.621.044.684	6.914.681.326
Chi phí dịch vụ	1.773.040.996	3.500.088.143
Nhờ thu hộ	54.862.345.560	-
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Doanh thu dịch vụ	67.656.369	53.536.298
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept		
Doanh thu dịch vụ, cho thuê tài sản, phí đại lý tàu	18.400.539.711	13.851.530.990
Chi phí dịch vụ	35.416.764.169	5.673.599.367
Chi hộ	8.265.435.800	9.160.305.831
Thu hộ	6.501.647.596	7.947.589.645
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept		
Doanh thu dịch vụ, cho thuê tài sản	5.559.041.577	7.700.280.826
Chi phí dịch vụ	342.894.090	4.380.000
Chi hộ	143.586.884	108.829.016
Thu hộ	-	7.549.410.943

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	599.762	-	599.762	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ Tầng Mặt trời Đông Dương	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	(1.533.223.619)	5.000.000.000	(1.533.223.619)
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	21.000.000	(21.000.000)	21.000.000	(21.000.000)
Cộng	41.021.599.762	(1.554.223.619)	41.021.599.762	(1.554.223.619)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	132.474.456.703	140.851.094.318
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	89.828.111.018	89.875.903.990

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	29.748.421.446	30.506.224.826
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	7.511.782.130	15.174.592.970
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	3.922.685.451	4.369.943.820
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	1.463.456.658	924.428.712
Phải thu các khách hàng khác	377.217.853.875	400.958.540.251
Các khách hàng khác	377.217.853.875	400.958.540.251
Cộng	509.692.310.578	541.809.634.569

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác	104.523.803.904	137.910.734.284
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	45.174.181.296	47.174.181.296
Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	-	36.954.856.848
Các nhà cung cấp khác	59.349.622.608	53.781.696.140
Cộng	104.523.803.904	137.910.734.284

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho các bên liên quan vay	2.623.500.000	2.623.500.000
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	2.623.500.000	2.623.500.000
Cho tổ chức khác vay	54.000.000.000	22.000.000.000
Cộng	56.623.500.000	24.623.500.000

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	28.396.000.188	28.268.637.101
Công ty TNHH Golden Globe – Chi hộ	26.250.945.000	26.386.143.000
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm – Lãi cho vay	1.564.149.225	1.489.397.992
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng – Chi hộ	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Nhờ thu hộ, chi hộ	67.759.624	25.671.781
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi hộ	97.431.095	67.424.328
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Chi hộ	115.715.244	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	220.452.714.730	146.209.005.554
Tạm ứng	95.458.437.278	84.650.771.453
Các khoản ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	3.581.152.692	3.301.992.579
Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Cảng tổng hợp Lê Chân	4.000.000.000	4.000.000.000
Các khoản chi hộ	21.253.008.894	19.389.584.085
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	96.160.115.866	34.866.657.437
Cộng	248.848.714.918	174.477.642.655

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Mặt Trời Đông Dương – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Khu dịch vụ hậu cần logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản ký quỹ, đặt cọc dài hạn	18.484.600.137	18.505.881.337
Cộng	36.484.600.137	36.505.881.337

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(11.172.305.211)	(10.396.714.993)
Dự phòng/(Hoàn nhập) trong kỳ	13.183.867	(45.282.329)
Số cuối kỳ	(11.159.121.344)	(10.441.997.322)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	35.377.747.444	-	35.551.314.690	-
Nhiên liệu tồn trên tàu	16.186.571.996	-	18.098.062.496	-
Phụ tùng thay thế	16.555.248.071	-	17.548.420.472	-
Công cụ dụng cụ	328.949.400	-	330.620.140	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.168.657.469	-	9.144.610.469	-
Hàng hóa, thành phẩm	1.842.847.820	-	1.859.424.368	-
Cộng	79.460.022.200	-	82.532.452.635	-

9. Chi phí ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	4.528.276.124	634.795.692
Chi phí sửa chữa	2.394.914.747	1.816.768.724
Tiền thuê đất	5.424.422.097	4.265.661.370
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.518.073.345	5.990.831.215
Cộng	21.865.686.313	12.708.057.001

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất ⁽ⁱ⁾	701.390.018.608	706.302.707.890
Chi phí nhượng quyền sử dụng đất ⁽ⁱⁱ⁾	122.801.435.566	123.822.507.088
Chi phí lãi thuê tài chính container	8.834.230.788	10.338.839.229
Chi phí đầu tư đường gom	8.344.258.357	9.221.810.334
Chi phí sửa chữa	15.418.967.523	17.709.823.848
Các chi phí trả trước dài hạn khác	54.610.987.812	44.447.186.870
Cộng	911.399.898.654	911.842.875.259

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (i) Tiền thuê đất của Công ty Cổ phần ICD Nam Hải và Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ. Tiền thuê đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.
- (ii) Chi phí nhượng quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ. Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.156.309.091.971	1.941.262.090.505	1.545.195.397.829	48.651.607.905	5.691.418.188.210
Mua trong kỳ	137.000.000	-	31.852.820.048	100.000.000	32.089.820.048
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	595.827.253.032	518.667.683.149	-	-	1.114.494.936.181
Thanh lý, nhượng bán	-	(317.033.698)	(3.986.907.272)	-	(4.303.940.970)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	34.029.260	(34.029.260)	-
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	(1.139.908.160)	(8.612.280)	(153.169.144)	(7.292.760)	(1.308.982.344)
Số cuối kỳ	2.751.133.436.843	2.459.604.127.676	1.572.942.170.721	48.710.285.885	6.832.390.021.125
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.055.518.285.171	762.333.659.355	888.965.295.325	28.583.210.832	2.735.400.450.683
Khấu hao trong kỳ	31.608.039.157	34.961.632.208	22.399.923.380	1.186.413.735	90.156.008.480
Thanh lý, nhượng bán	-	(317.033.698)	(3.986.907.272)	-	(4.303.940.970)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	3.583.260	(3.583.260)	-
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	(1.066.015.720)	(5.535.320)	(15.374.634)	(7.292.760)	(1.094.218.434)
Số cuối kỳ	1.086.060.308.608	796.972.722.545	907.366.520.059	29.758.748.547	2.820.158.299.759
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.100.790.806.800	1.178.928.431.150	656.230.102.504	20.068.397.073	2.956.017.737.527
Số cuối kỳ	1.665.073.128.235	1.662.631.405.131	665.575.650.662	18.951.537.338	4.012.231.721.366

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	235.413.682.251
Số cuối kỳ	235.413.682.251
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	190.782.918.845
Khấu hao trong kỳ	7.380.398.880
Số cuối kỳ	198.163.317.725
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	44.630.763.406
Số cuối kỳ	37.250.364.526

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Chi phí thiết kế trang Web	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	311.116.943.450	66.272.745.881	30.000.000	377.419.689.331
Mua trong kỳ	-	1.144.650.000	-	1.144.650.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.636.250.000	-	2.636.250.000
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	(1.472.307.840)	(716.280)	-	(1.473.024.120)
Số cuối kỳ	309.644.635.610	70.052.929.601	30.000.000	379.727.565.211
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	71.629.826.245	44.159.465.569	30.000.000	115.819.291.814
Khấu hao trong kỳ	1.557.886.903	1.598.031.195	-	3.155.918.098
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	(345.714.920)	(716.280)	-	(346.431.200)
Số cuối kỳ	72.841.998.228	45.756.780.484	30.000.000	118.628.778.712
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	239.487.117.205	22.113.280.312	-	261.600.397.517
Số cuối kỳ	236.802.637.382	24.296.149.117	-	261.098.786.499

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển tăng/(giảm) khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	186.233.613.672	122.811.163.820	(2.636.250.000)	-	306.408.527.492
XDCB dở dang	2.603.959.326.079	428.343.646.612	(1.114.494.936.181)	(15.671.006.036)	1.902.137.030.474
Công trình khu dân cư Rạch Chiếc	51.165.085.825	-	-	-	51.165.085.825
Dự án trồng cao su của Pacific Pride	816.443.847.140	665.731.500	-	(4.188.981.840)	812.920.596.800
Dự án trồng cao su của Pacific Pearl	439.278.377.579	733.482.000	-	(2.257.028.280)	437.754.831.299
Dự án trồng cao su của Pacific Lotus	354.017.188.401	90.075.500	-	(1.814.689.000)	352.292.574.901
Dự án cải tạo nền bãi nhà máy dầu Bình An	7.453.000	4.923.108.498	(4.930.561.498)	-	-
Dự án Cảng Nam Đình Vũ	943.047.374.134	421.931.249.114	(1.109.564.374.683)	(7.410.306.916)	248.003.941.649
Cộng	2.790.192.939.751	551.154.810.432	(1.117.131.186.181)	(15.671.006.036)	2.208.545.557.966

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	151.296.466.870	132.522.325.253
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	1.480.720.971	(848.747.725)
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	570.915.649	(85.162.988)
Số cuối kỳ	153.348.103.490	131.588.414.540

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****15. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ, Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải và Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương. Chi tiết phân bổ như sau:

	Nguyên giá	Số đã phân bổ	Giá trị còn lại
Số đầu năm	558.517.383.584	372.193.101.046	186.324.282.538
Phân bổ trong kỳ		6.900.899.353	
Số cuối kỳ	558.517.383.584	379.094.000.399	179.423.383.185

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	22.350.988.633	28.528.097.199
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	20.961.042.776	27.527.293.270
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	898.207.357	473.925.334
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	452.705.000	445.771.039
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	-	49.191.156
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	39.033.500	31.916.400
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	953.374.538.969	809.922.914.807
Rich Mountain Trading Co., Ltd	38.694.638.520	224.931.735.000
V.K.S Capital Investment Co., Ltd	63.787.837.860	90.259.438.238
Mitsui E&S Machinery Co., Ltd	228.232.620.000	64.151.468.100
Công ty TNHH Doosan Enerbility Việt Nam	350.287.249.148	38.891.557.800
Các nhà cung cấp khác	272.372.193.441	391.688.715.669
Cộng	975.725.527.602	838.451.012.006

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Các khách hàng khác	1.722.400.350	850.107.706
Cộng	1.722.400.350	850.107.706

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	23.414.000.177	-	34.862.924.563	861.328.789
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.835.860.266	12.670.738.869	40.080.118.176	20.833.185.916
Thuế thu nhập cá nhân	1.167.852.573	972.142.652	4.312.079.495	161.611.014
Các loại thuế khác	13.940.902.098	296.260.802	11.112.262.620	1.016.559.537
Cộng	75.358.615.114	13.939.142.323	90.367.384.854	22.872.685.256

19. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	829.335.519	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Chi phí dịch vụ	829.335.519	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	196.828.264.656	194.384.229.842
Chi phí cho dự án trồng cao su	99.546.459.840	98.244.510.600

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	10.559.628.689	11.618.246.573
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	4.834.948.476	3.019.123.499
Chi phí thi công công trình	20.529.178.548	20.000.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	61.358.049.103	61.502.349.170
Cộng	197.657.600.175	194.384.229.842
21. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn		
21a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền trả trước về cho thuê tài sản cố định	1.032.481.942	1.039.094.764
Cộng	1.032.481.942	1.039.094.764
21b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	200.694.440.586	202.195.118.323
Lãi hoãn lại do cung cấp dịch vụ cho cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	83.278.730.435	87.359.885.988
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn khác	939.892.990	1.048.342.180
Cộng	284.913.064.011	290.603.346.491
22. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác		
22a. Phải trả ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.432.755.495	2.370.914.068
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn – Chi phí lãi vay	-	1.775.342.430
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Thu hộ, phải trả khác	1.353.213.764	516.029.907
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept – Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng	72.304.500	72.304.500
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Nhờ chi hộ	7.237.231	7.237.231
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.280.432.516.396	1.268.662.402.421
Chi phí thuê đất ⁽ⁱ⁾	19.857.472.560	18.785.544.300
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	3.527.200.550	4.022.898.086
Các khoản đặt cọc ngắn hạn	4.590.812.254	5.949.464.072
Cổ tức phải trả	211.336.350	20.985.545.150
Phải trả về dịch vụ làm đại lý	75.665.848.852	48.528.885.094
Nhận đặt cọc để chuyển nhượng công ty con ⁽ⁱⁱ⁾	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	176.579.845.830	170.390.065.719
Cộng	1.281.865.271.891	1.271.033.316.489
22b. Phải trả dài hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	2.000.000.000	2.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Nhận đặt cọc cho thuê kho	2.000.000.000	2.000.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	94.707.450.080	93.551.626.200
Chi phí thuê đất ⁽ⁱ⁾	94.559.950.080	93.551.626.200
Các khoản phải trả dài hạn khác	147.500.000	-
Cộng	96.707.450.080	95.551.626.200

- (i) Các khoản chi phí thuê đất phát sinh tại Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương và Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương được phân bổ cho giai đoạn từ năm 2011 lũy kế đến ngày 31 tháng 03 năm 2023. Các khoản chi phí này sẽ được thanh toán sau thời hạn 05 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất.
- (ii) Khoản nhận đặt cọc để đảm bảo cho việc các bên mua sẽ ký kết các Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn và hoàn thành giao dịch chuyển nhượng công ty con.

22c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức</i>	25.661.186.625	177.453.697.152
Vay ngắn hạn ngân hàng	25.661.186.625	177.453.697.152
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	25.173.384.040	99.059.709.608
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	75.575.015.799
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	-	2.568.971.745
Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	250.000.000
Vay Ngân hàng Kasikorn Bank Việt Nam	487.802.585	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả các tổ chức</i>	385.797.671.756	365.961.758.449
Vay dài hạn đến hạn trả	350.503.875.949	330.004.811.674
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	35.293.795.807	35.956.946.775
Cộng	411.458.858.381	543.415.455.601

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

23b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	1.494.920.802.841	1.462.501.308.856
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	791.642.784.151	729.078.836.346
Vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – TTKD KHDN Lớn Hội sở	393.359.320.261	444.983.713.827
Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	171.133.560.682	121.677.994.656
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ba Mươi Tháng Tư	71.472.210.279	82.072.333.333
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam –	67.312.927.468	80.008.430.694

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Hải Phòng		
Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông –		
Chi nhánh Tân Bình	-	3.020.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam –		
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	1.660.000.000
Nợ thuê tài chính	14.937.500.608	23.661.928.557
Thuê tài chính Global Container International LLC	14.936.733.079	23.661.157.122
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	767.529	771.435
Cộng	1.509.858.303.449	1.486.163.237.413

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

23c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng chi phí nạo vét, sửa chữa mặt bãi	61.998.155.250	61.998.155.189
Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng	33.127.209.493	33.486.561.568
Dự phòng về thuế thu nhập doanh nghiệp	6.568.978.471	6.568.978.471
Dự phòng tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển	1.752.276.539	1.752.276.539
Cộng	103.446.619.753	103.805.971.767

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty bao gồm: quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ Hội đồng quản trị.

26. Vốn chủ sở hữu**26a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vốn góp của chủ sở hữu	3.013.779.570.000	-	-	3.013.779.570.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.941.832.197.040	-	-	1.941.832.197.040
Vốn khác của chủ sở hữu	128.097.775.902	-	-	128.097.775.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	324.141.784.661	-	(7.964.820.996)	316.176.963.665
Quỹ đầu tư phát triển	152.636.937.352	-	(75.443.125.998)	77.193.811.354
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	138.177.637.831	-	(70.543.436.225)	67.634.201.606
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.227.386.551.336	348.476.540.224	-	1.575.863.091.560
Cộng	6.926.052.454.122	348.476.540.224	(153.951.383.219)	7.120.577.611.127

26b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	301.377.957	301.377.957
- Cổ phiếu phổ thông	301.377.957	301.377.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	301.377.957	301.377.957
- Cổ phiếu phổ thông	301.377.957	301.377.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26c. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các Công ty con lập bằng USD sang VND.

27. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	655.193.728.693	735.795.852.243
Doanh thu hoạt động logistics, cho thuê văn phòng, khác	246.777.310.427	144.062.417.114
Cộng	901.971.039.120	879.858.269.357

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	374.327.815.040	441.365.868.384
Giá vốn hoạt động logistics	101.061.620.323	86.332.640.017
Cộng	475.389.435.363	527.698.508.401

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.828.058.876	1.292.784.004
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.722.401.120	2.308.352.240
Doanh thu hoạt động tài chính khác	290.518.222	614.235.484
Cộng	20.840.978.218	4.215.371.728

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	36.499.808.414	29.819.822.467
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.156.015.883	2.622.508.996
Dự phòng/(hoàn nhập) các khoản đầu tư tài chính	(897.946.580)	(262.152.318)
Chi phí tài chính khác	3.598.702	108.047.715
Cộng	39.761.476.419	32.288.226.860

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới, chi phí khác cho hoạt động bán hàng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	42.012.121.989	33.706.735.253
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.525.553.768	1.541.590.720
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.009.570.704	2.788.831.798
Phân bổ lợi thế thương mại	6.900.899.353	6.900.899.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.089.283.706	12.086.116.822
Chi phí khác	20.323.845.299	13.971.924.098
Cộng	96.861.274.819	70.996.098.044

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	1.274.545.455	-
Phân bổ doanh thu chưa thực hiện (*)	5.581.833.290	5.527.690.228
Thu nhập khác	278.141.015	6.353.677.261
Cộng	7.134.519.760	11.881.367.489

(*) Doanh thu chưa thực hiện bao gồm:

- Phân bổ khoản đánh giá lại quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link phát sinh từ năm 2008 với số tiền 283.980.000.000 VND, thời gian phân bổ 48 năm và 10 tháng.
- Phân bổ khoản đánh giá lại giá trị tài sản cố định góp vốn vào Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings phát sinh từ năm 2017 với số tiền 5.622.625.365 VND với thời gian phân bổ 10 năm.
- Phân bổ khoản lợi nhuận chưa ghi nhận liên quan đến doanh thu dịch vụ tư vấn và thi công công trình cho Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link tương ứng với phần đã khấu hao và phân bổ trong năm của các tài sản này.

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	1.265.112.715	844.207.634
Cộng	1.265.112.715	844.207.634

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9. Lãi trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	202.174.319.854	273.731.748.619
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	(16.173.945.589)	(21.898.539.890)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	186.000.374.265	251.833.208.729
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	301.377.957	301.377.957
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	617	836
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	617	836

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.654.952.781	73.227.219.404
Chi phí nhân công	120.560.230.188	103.953.597.410
Chi phí khấu hao tài sản cố định và lợi thế thương mại phân bổ	107.593.224.811	93.787.841.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	268.955.204.171	317.818.143.099
Chi phí khác	47.152.873.428	49.295.468.954
Cộng	601.916.485.379	638.082.270.483

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.832.200.000	2.855.600.000
Thu nhập khác	300.000.000	94.658.823
Cộng	4.132.200.000	2.950.258.823

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings
Công ty TNHH Golden Globe
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept
Công ty Cổ phần Mekong Logistics
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept

Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.

Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực

Mối quan hệ

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty con của công ty liên kết
Công ty con của công ty liên kết
Công ty con của công ty liên kết
Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty liên kết của công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.16, V.17, V.20, V.22 và V.23.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

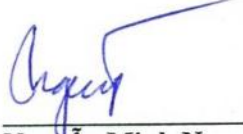
2. Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế

	<u>Quý 1 năm 2023</u>	<u>Quý 1 năm 2022</u>	<u>Chênh lệch giảm</u>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	202.174.319.854	273.731.748.619	71.557.428.765

Lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2023 của công ty mẹ đạt hơn 202 tỷ, giảm hơn 71 tỷ so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu do:

- Lợi nhuận từ hoạt động khai thác cảng và logistics tăng hơn 58 tỷ đồng;
- Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết giảm hơn 104 tỷ đồng;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng hơn 25 tỷ đồng.


Vu Thị Anh Thu
Người lập


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc